

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S- TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hồng;

2. Ông Bùi Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị B T Th sinh năm 1984.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh S A L sinh năm 1980.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông L S Nh sinh năm 1987.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S Ch, xã B M, huyện S, tỉnh Lào Cai (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 9 năm 2020) - Có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Bà L T Ng sinh năm 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S Ch, xã N S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị B T Th trình bày:

Năm 2011 chị tham gia đấu giá và trúng đấu giá thửa đất tại thôn S S P, xã S C, HUYỆN S theo Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2011 của UBND HUYỆN S về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại xã S Ch, huyện S. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính ngày

30/3/2012 chị được UBND HUYỆN S cấp cho quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích 105m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng T (thổ cư), thời hạn sử dụng đất lâu dài, nguồn gốc đầu giá quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai số vào sổ cấp giấy chứng nhận 001267, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC128986. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị chưa kịp sử dụng thì đến tháng 11 năm 2019 anh S A L tranh chấp quyền sử dụng đất với chị, tháng 12 năm 2019 anh L đã dựng cột sắt, lợp mái tôn trên diện tích đất này.

Ngày 16/12/2019 UBND xã S Ch đã hòa giải tranh chấp đất đai giữa chị và anh L nhưng không thành, mặc dù chị đã được UBND HUYỆN S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh L không nhất trí và cho rằng đất đó là của gia đình anh nên anh L không nhất trí trả lại cho chị.

Nay chị đề nghị Tòa án buộc anh S A L phải tháo dỡ ngôi nhà đã dựng trên thửa đất tranh chấp, trả lại cho chị thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích 105m², địa chỉ thửa đất tại thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Về các tài liệu, chứng cứ mà chị Th đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 001267 do UBND HUYỆN S cấp ngày 30/3/2012 cho hộ bà B T Th; Bản sao chứng thực Giấy chứng minh nhân dân B T Th; Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ B T Th; Sao y bản chính giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính và 02 Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; Bản sao Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt giá khởi điểm đầu giá quyền sử dụng đất đối với 39 thửa đất tại huyện S, tỉnh Lào Cai kèm phụ biểu xác định giá khởi điểm đầu giá quyền sử dụng đất các thửa đất và sơ đồ các thửa đất đầu giá; Bản sao Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2011 của UBND HUYỆN S về việc phê duyệt kết quả trúng đầu giá quyền sử dụng các thửa đất tại xã S Ch, HUYỆN S kèm danh sách các đối tượng trúng đầu giá các quyền sử dụng đất năm 2011 các thửa đất tại xã S Ch, huyện S; Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của UBND xã S Ch ngày 16/12/2019; Quyết định của UBND xã S Ch số 126/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc giải quyết đơn đề nghị của bà B T Th; Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 13/10/2006 của UBND HUYỆN S về việc thu hồi đất để xây dựng công trình sắp xếp dân cư trung tâm cụm xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai + bản tự kê khai số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 20/9/2006 + bảng tổng hợp sử dụng đất + biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 20/9/2006 + bảng tổng hợp áp giá đền bù ngày 20/9/2006 (photô); Quyết định số 378/QĐ-CT ngày 30/11/2005 của UBND HUYỆN S về việc phê chuẩn dự toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trường THPT số 2 HUYỆN S kèm bản tổng hợp kinh phí dự toán đền bù được đóng dấu treo của Phòng Tài nguyên môi trường; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND HUYỆN S về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trường THPT số 2 HUYỆN S kèm bản tổng hợp kinh phí dự toán đền bù được đóng dấu treo của Phòng Tài

nguyên môi trường; Đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ; đơn đề nghị nhận chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Bản tự khai của chị Th.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh S A L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh L S Nh trình bày:

Nguồn gốc của thửa đất này thuộc quyền sử dụng của bố mẹ anh L (bố anh tên là S A V ông V đã chết năm 2017 còn mẹ anh tên là Gi T M) được UBND huyện B H, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00159 QSDĐ/355/QĐUB H - 1998 ngày 05/10/1998, anh chưa xác định được thửa đất đang tranh chấp với chị Th thuộc loại đất gì trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ anh. Còn anh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng loại đất gì. Năm 1995 Nhà nước có thu hồi đất của gia đình anh để làm đường giao thông, năm 2006 thu hồi đối với vị trí đất hiện nay đang tranh chấp với chị Th, khi thu hồi gia đình anh có yêu cầu bồi thường về cây cối, hoa màu đến cơ quan chức năng nhiều lần thời gian kéo dài 3 năm, cho đến năm 2009 vẫn không được trả lời gì thì không khiếu nại, không đề nghị gì đến các cơ quan có thẩm quyền nữa, từ năm 2009 đến năm 2018 gia đình anh chán nản không ai khiếu nại, khởi kiện gì. Năm 2019 anh tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 14 với chị B T Th, anh đã dựng nhà cột sắt lợp mái tôn trên thửa đất này. Gia đình anh bị thu hồi đất từ năm 2006 nhưng do không hiểu biết gì về pháp luật nên không khởi kiện, không khiếu nại. Nay chị Th đề nghị anh phải tháo dỡ ngôi nhà đã dựng trên thửa đất số 14 trả lại chị Th quyền sử dụng diện tích đất này anh không đồng ý vì đất này gia đình anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về những tài liệu, chứng cứ mà anh L đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp gồm: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00159 QSDĐ/355/QĐUB.H.1998 của UBND huyện B H đứng tên hộ ông S A V; Hợp đồng ủy quyền đề ngày 28/9/2020; Bản sao chứng thực: Giấy chứng minh nhân dân của A A L, sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ A A L, sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Lừ Seo Nhà; Bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của L S Nh; Bản sao Quyết định số 355/QĐ-UB ngày 05/10/1998 của UBND huyện B H, về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đủ điều kiện tại xã S Ch, đơn xin giao đất và đăng ký quyền sử dụng đất của ông S A V 02 biên bản giao nhận đất trên thực địa, 02 sơ đồ giao đất nông nghiệp cho bên nhận Sùng A V.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp, anh L có mặt từ đầu cho đến khi kết thúc buổi làm việc nhưng sau khi nghe đọc lại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ anh L không ký, không điểm chỉ vào biên bản.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu đề nghị của mình.

Về việc chị Th khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ- 04, diện tích 105m². Địa chỉ của thửa đất tại thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai do anh L đang tranh chấp và dựng ngôi nhà tạm trên diện tích đất này. Thửa đất này do chị B T Th đã trúng đấu giá theo Quyết định số 1200/QĐ-

UBND ngày 24 tháng 11 năm 2011 của UBND HUYỆN S về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại xã S Ch, huyện S. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính ngày 30/3/2012 chị Th đã được UBND HUYỆN S cấp cho quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 001267, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC128986. Do vậy chị B T Th là người được sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ- 04, diện tích 105m² này.

Việc anh L và người đại diện theo ủy quyền của anh L cho rằng diện tích đất đang tranh chấp với chị Th là thuộc quyền sử dụng của gia đình anh L vì diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thì theo các tài liệu, chứng cứ và văn bản trả lời của UBND huyện vị trí đất này thuộc khu đất được UBND huyện thu hồi để xây dựng công trình Sắp xếp dân cư trung tâm cụm xã S Ch, huyện S. Theo Quyết định thu hồi đất số 646/QĐ-UBND ngày 13/10/2006 thu hồi đối với diện tích 627m² đất nương rẫy của gia đình ông S T V và đã bồi thường ông S T V ký nhận số tiền 627.000 đồng.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm quyền thụ lý giải quyết, việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của Bộ luật tố tụng dân sự; về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại các Điều 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 237 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 38; Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 1,2,3 Điều 42; khoản 2 Điều 44; khoản 6 Điều 49; khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2003; khoản 5, 7 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 164; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xét xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B T Th, buộc anh L phải có nghĩa vụ tháo dỡ tài sản ngôi nhà cột sắt, lợp mái tôn đã dựng và trả lại chị Th toàn bộ diện tích thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích 105m².

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Đề nghị Tòa án nhân dân HUYỆN S chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN S theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất, vị trí thửa đất tranh chấp thuộc xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai nên theo quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

[2] *Về tranh chấp quyền sử dụng đất:*

Năm 2011 chị B T Th có tham gia đấu giá và trúng đấu giá thửa đất tại thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính vào ngày 30/3/2012 chị đã được UBND HUYỆN S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 14, tờ bản đồ SD-04, diện tích 105m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất T (thổ cư), thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc: đấu giá quyền sử dụng đất; địa chỉ thửa đất thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 128986 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 001267. Tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án buộc anh S A L phải tháo dỡ khung nhà bằng cột sắt lợp mái tôn đã dựng trên diện tích thửa đất số 14 của chị, trả lại cho chị diện tích thửa đất trên.

Tại Quyết định số 464/QĐ-UBND của UBND HUYỆN S ngày 13/10/2006 về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Sắp xếp dân cư Trung tâm cụm xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai đã thu hồi của gia đình ông S T V (là bố của anh Sùng A Lao) trú tại thôn S S P, xã S C 627m² đất nương rẫy tại khu vực thôn S S P, xã S C ông V đã ký nhận tiền đền bù, ngoài ra thực hiện Quyết định số 378/QĐ-CT ngày 30 tháng 11 năm 2005 ông S T V cũng nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng công trình Trường THPT số 2 huyện S. Đối với chị B T Th tại Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 24 /11/2011 đã được UBND HUYỆN S phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng các thửa đất tại xã S Ch theo danh sách các đối tượng trúng đấu giá cấp QSDĐ năm 2011 các thửa đất tại xã S Ch, HUYỆN S đối với thửa đất số 14, diện tích 105m², số thứ tự 4. Ngày 30/3/2012 chị B T Th được UBND HUYỆN S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 128986, vào sổ GCN 001267 đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ SD 04 diện tích 105m², mục đích sử dụng đất: T (thổ cư), thời hạn sử dụng đất lâu dài, nguồn gốc trúng đấu giá quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp cũng như do Tòa án thu thập thể hiện ông S A V còn có tên gọi khác là S T V là bố đẻ của anh S A L đã được nhà nước thu hồi đất và không xác định được đối với vị trí thửa đất số 14 cấp cho

chị Th có thuộc phần diện tích đất đã thu hồi của ông V hay của ai vì hiện nay khu vực đất bị thu hồi đã được san bằng. Văn bản trả lời của Phòng Tài nguyên và môi trường HUYỆN S số 209/TNMT-QLĐ ngày 28/9/2020 xác định vị trí thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ-04, diện tích 105m² tại thôn S S P, xã S C bà B T Th trùng đầu giá quyền sử dụng đất năm 2011 không thuộc Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 355/QĐ-UB ngày 05/10/1998 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S A V (bố của S A L), thôn S S P, xã S C.

Tại Quyết định 1249/QĐ-CT ngày 21/7/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt dự án quy hoạch Trung tâm cụm xã S Ch giai đoạn 2000 - 2010 thì diện tích đất tranh chấp trên nằm trong quy hoạch Sắp xếp dân cư trung tâm cụm xã S Ch và được đền bù giải phóng mặt bằng từ nguồn vốn xây dựng công trình Trường phổ thông trung học số 2 HUYỆN S năm 2005.

Như vậy, đã có cơ sở khẳng định anh S A L không có quyền sử dụng đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích 105m² địa chỉ của thửa đất tại thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai mà thửa đất này thuộc quyền sử dụng của chị B T Th nên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị B T Th được chấp nhận.

[3] *Về tài sản trên diện tích đất tranh chấp:*

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25 tháng 8 năm 2020 thì tài sản trên thửa đất tranh chấp là: Nhà tạm khung thép, mái tôn diện tích 7m x 6m = 42m², cột sắt tròn, rỗng, mạ kẽm phi 90 x 1,5mm, nhà có 9 cột; mái nhà: vì kèo thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm, xà gồ thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm, mái lợp tôn thường dày 0,35ly màu xanh được dựng phía trước tiếp giáp với đất hành lang giao thông đường liên xã S Ch, phía bên phải theo hướng nhìn ra đường giáp đất ông H V Y, phía bên trái theo hướng nhìn ra đường giáp đất ông Ng V N phía sau giáp đất ông Gi A L

Do ngôi nhà được dựng trên thửa đất của chị B T Th nên cần buộc anh S A L phải tháo dỡ toàn bộ.

[4] *Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Nguyên đơn chị B T Th đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.500.000 đồng, tại phiên tòa chị Th nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Đương sự phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và điều luật áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 38; Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 1,2,3 Điều 42; khoản 2 Điều 44; khoản 6 Điều 49; khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2003; khoản 5, 7 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 164; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố

tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quyền sử dụng đất*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị B T Th. Công nhận thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích 105m² số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 128986 do UBND HUYỆN S vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 001267 ngày 30 tháng 3 năm 2012: Thuộc quyền sử dụng của chị B T Th.

Buộc anh S A L phải trả lại thửa đất số 14, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích 105m² đã nêu trên cho chị B T Th.

2. *Về tài sản trên diện tích đất*: Buộc anh L phải có nghĩa vụ tháo dỡ ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của anh L có đặc điểm:

- Nhà tạm khung thép, mái tôn, diện tích 7m x 6m = 42m²
- Cột sắt tròn, rỗng mạ kẽm phi 90 x 1,5mm, nhà có 09 cột
- Mái nhà: Vì kèo thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm, xà gồ thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm, mái tôn thường dày 0,35 ly màu xanh được dựng trên vị trí phía trước giáp với hành lang giao thông, phía bên phải theo hướng nhìn ra đường giáp thửa đất ông H V Y, phía bên trái theo hướng nhìn ra đường giáp với đất nhà ông Ng V N phía sau giáp với đất ông Gi A L Để trả lại cho chị B T Th thửa đất số số 14, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích 105m² số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 128986 do UBND HUYỆN S vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 001267 ngày 30 tháng 3 năm 2012; địa chỉ thửa đất tại thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai.

3. *Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Nguyên đơn chị B T Th nhận chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận chị B T Th đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị B T Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại chị B T Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003834 ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai.

Anh S A L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

